

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 186/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 10 – 2022

(Về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Ông Đinh Chí Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh C.

- Bị đơn: Chị Lý Hồng D, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh H trình bày, anh và chị D tự nguyện sống chung với nhau và có tổ chức cưới gả vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Anh H xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn.

Ý kiến của chị D: Chị D thừa nhận sống với nhau như vợ chồng và mâu thuẫn đúng như Anh H trình bày. Trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị D xác định có 01 con chung tên Cao Huế C, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh H và chị D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H và chị D xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của anh Cao Văn H về việc xin ly hôn với chị Lý Hồng D thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị D là bị đơn có nơi cư trú tại ấp 8, xã T, huyện B, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Anh H và chị D tự nguyện sống chung với nhau và có tổ chức cưới gả vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Tại phiên tòa, Anh H và chị D đều xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên cả hai thống nhất chấm dứt hôn nhân với nhau.

Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của Anh H và chị D sống chung nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thụ lý giải quyết. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Cao Văn H và chị Lý Hồng D.

[3] Về con chung: Anh H và chị D xác định có 01 con chung tên Cao Huế X, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh H và chị D xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Anh H nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Cao Văn H và chị Lý Hồng D.

Về con chung: Anh H và chị D xác định có 01 con chung tên Cao Huế X, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh H và chị D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh H và chị D xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Cao Văn H nộp 300.000đ. Vào ngày 06 tháng 10 năm 2022, Anh H đã dự nộp 300.000đ theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 39490 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B mở tại Kho Bạc nhà nước huyện B, tỉnh C, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự h.B;
- **UBND xã T;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn